

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ Q  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số 04 / 2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***-TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thu **H1**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Đồng

Bà Lê Thị Kim Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Khắc Thông - Thẩm tra viên, TAND thị xã Q.Trị.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân **thị xã Q**, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2020 về việc “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Thanh H**, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố 5, phường 3, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Bị đơn: Chị **Đặng Thị Thu H1**, sinh 1985; Nơi ĐKKHKT: Khu Phố 5, phường 3, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Hiện nay chị **Đặng Thị Thu H1** đang chấp **H1**nh hình phạt tù tại trại giam Bình Điền thuộc xã Bình Điền, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2020, biên bản hòa giải ngày 17/7/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn **Bùi Thanh H** trình bày:

Anh **Bùi Thanh H** kết hôn với chị **Đặng Thị Thu H1** vào năm 2005, trên tinh thần tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 1, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với gia đình bố mẹ chồng tại khu phố 5, phường 3, **thị xã Q**. Trong cuộc sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xích mích kéo dài,

không thể giải quyết được. Trong lúc, anh **Bùi Thanh H** đi làm ăn thì chị **Đặng Thị Thu H** ăn chơi và quan hệ tình cảm với người đàn ông khác gây nhiều bức xúc làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình con cái. Anh **H** nhiều lần động viên, an ủi vợ con nhưng chị **H1** không cải thiện được. Từ đó, tình cảm vợ chồng thực sự rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể **H1** gắn được nữa. Năm 2017, chị **Đặng Thị Thu H1** bị Tòa án nhân dân **thị xã Q** xử phạt 08 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp **H1** án tại trại giam Bình Điền, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Từ khi chị **H1** đi chấp **H1** án đến nay, anh **H** đã không quan hệ tình cảm với chị **H1**. Tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh **Bùi Thanh H** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị **Đặng Thị Thu H1**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu **Bùi Thanh Quỳnh N**, sinh ngày 02/01/2009 và cháu **Bùi Thanh Da L**, sinh ngày 22/11/2012; hiện 2 cháu đang ở với anh **H**; ly hôn, anh **Bùi Thanh H** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu chị **Đặng Thị Thu H1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/7/2020 và bản tự khai ngày 08/8/2020, bị đơn chị **Đặng Thị Thu H1** Trình bày: Chị **H1** và anh **Bùi Thanh H** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, **thị xã Q**. Năm 2017, chị **H1** bị bắt và đang chấp **H1** án tại trại giam Bình Điền, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên- Huế. Chị **H1** nghĩ anh **H** có quan hệ tình cảm với bạn gái khác, tình cảm vợ chồng đã hết nhưng thời gian chấp **H1** án còn 02 năm nữa, chị muốn sau khi ra trại về **H1** thì vợ chồng cùng giải quyết, chị không đồng ý ly hôn tại thời điểm này.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu **Bùi Thanh Quỳnh N**, sinh ngày 02/01/2009 và cháu **Bùi Thanh Da L**, sinh ngày 22/11/2012. Ly hôn, chị **Đặng Thị Thu H1** đồng ý giao hai cháu **Bùi Thanh Quỳnh N** và cháu **Bùi Thanh Da L** cho anh **Bùi Thanh H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

-*Về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán đảm bảo đúng các quy định tại các Điều 48, 195, 196, 198 từ Điều 203 đến Điều 211, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi mở phiên tòa; Hội đồng xét xử đã chấp **H1** đúng các quy định tại Điều 222 đến Điều 261 của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo việc xét xử được khách quan, toàn diện, đúng pháp luật; Thư ký phiên tòa đã chấp **H1** đúng các quy định tại Điều 51, 236, 239 của Bộ luật tố tụng dân sự như: phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những

người được triệu tập đến phiên tòa; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Bùi Thanh H**, xử cho anh **H** được ly hôn với chị **H1**.

Về con chung: Giao cháu **Bùi Thanh Quỳnh N**, sinh năm 02/01/2009; cháu **Bùi Thanh Da L**, sinh ngày 22/11/2012; cho anh **H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi **H1** niên và có khả năng lao động. Chị **H1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh **Bùi Thanh H** và chị **Đặng Thị Thu H1** có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1 **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị. Ngày 11/5/2020, anh **Bùi Thanh H** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị **Đặng Thị Thu H1**, đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Khu phố 5, phường 3, **thị xã Q** và giải quyết việc nuôi con chung là tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị (Căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân **thị xã Q** đã tiến tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị **Đặng Thị Thu H1** theo quy định của pháp luật. Chị **Đặng Thị Thu H1** hiện đang chấp **H1**nh án tại trại giam Bình Điền, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; để có cơ sở giải quyết vụ án; Tòa án **thị xã Q** đã tiến **H1**nh mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại trại giam Bình Điền, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 28/8/2020 Tòa án nhân dân **thị xã Q** ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho chị **Đặng Thị Thu H1**, chị **H1** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến **H1**nh xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Thanh H** và chị **Đặng Thị Thu H1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, **thị xã Q**, tỉnh Quảng Trị, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xích mích, cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2017, chị **H1** chấp **H1** án tại trại giam Bình Điền, thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên -Huế, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, chị **H1** cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng đã hết nhưng chị không đồng ý ly hôn và mong muốn sau khi chị **H1** ra trại thì vợ chồng cùng giải quyết. HĐXX thấy rằng, anh **H** và chị **H1** đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn; Tình trạng

hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh **Bùi Thanh H** xin ly hôn chị **Đặng Thị Thu H1** là có cơ sở, cần chấp nhận ( *Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình*).

[4] Về con chung: Anh **Bùi Thanh H** và chị **Đặng Thị Thu H1** có 02 con chung: cháu **Bùi Thanh Quỳnh N**, sinh này 02/01/2009 và cháu **Bùi Thanh Da L**, sinh ngày 22/11/2012. Ly hôn, anh **Bùi Thanh H** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu **Bùi Thanh Quỳnh N** và cháu **Bùi Thanh Da L** và không yêu cầu chị **Đặng Thị Thu H1** cấp dưỡng nuôi con; Chị **Đặng Thị Thu H1** cũng đồng ý nếu ly hôn thì giao hai cháu cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy việc giao con người trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét đến điều kiện chăm sóc, khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Từ năm 2017, chị **H1** phải đi chấp hành án phạt tù cho đến nay, hai cháu **Bùi Thanh Quỳnh N** và **Bùi Thanh Da L** do anh **H** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; nguyện vọng của anh **H** cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu **Nhi** và cháu **Ly**. Chị **Đặng Thị Thu H1** cũng thể hiện đồng ý giao hai cháu cho anh **H** nuôi dưỡng; vì vậy giao hai cháu **Bùi Thanh Quỳnh Nhi** và **Bùi Thanh Da L** cho anh **Bùi Thanh H** trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở ( *Căn cứ Điều 81, 82 Luật HNGD*).

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh **Bùi Thanh H** được ly hôn chị **Đặng Thị Thu H1**.

2. Về con chung: Xử giao cháu **Bùi Thanh Quỳnh N**, sinh này 02/01/2009 và cháu **Bùi Thanh Da L**, sinh ngày 22/11/2012 cho anh **Bùi Thanh H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi **H1** niên và có khả năng lao động. Chị **Đặng Thị Thu H1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc anh **Bùi Thanh H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000711 ngày 15/5/2019 của Chi cục Thi **H1** án dân sự **thị xã Q**.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết.

HÄÜI ÄÄÖNG XEÏT XEÍ SẢ THÄÖM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đồng    Lê Thị Kim Hoa

Mai Thị Thu **Hà**

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND **thị xã Q**;
- Chi cục THADS **thị xã Q**;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, tập án.

**Mai Thị Thu H1**